TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP ĐỨC
TỈNH QUẢNG NAM
---o0o---
Bản án số: **58**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2018
V/v: "L*y hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP ĐỨC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà **Trần Thị Bích Ân**;

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà **Phan Thị Thu**;

Bà **Nguyễn Thị Hoàng Oanh**;

Thư ký phiên toà: Ông **Trần Anh Liêm**; Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Đặng Thị Hồng Được**, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị Quỳnh N; Sinh năm 1990; Trú tại: Thôn 03, xã B, huyện B, tỉnh Q. Có mặt.

- **Bị đơn**: Anh Trần Văn C; Sinh năm 1991; Trú tại: Thôn H, xã B, huyện H, tỉnh Q. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 01/3/2018 được bổ sung tại bản khai cũng như tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh N trình bày:

Chị và anh Trần Văn C chung sống với nhau từ tháng 12/2013 nhưng đến ngày 13/01/2015 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Q. Hôn nhân của hai anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C thường xuyên uống rượu, lúc về nhà la mắng, sỉ nhục chị và có hành vi đuổi chị ra khỏi nhà. Chị đã nhiều lần tha thứ, bỏ qua nhưng anh C vẫn không thay đổi nên cách đây hơn 01 năm chị đã bồng con về nhà cha mẹ ruột tại huyện T, tỉnh Q để sinh sống. Kể từ đó, vợ

chồng anh chị sống ly thân, anh C cũng không đến thăm chị và con. Chị cũng không quay về nhà anh C để sinh sống. Đến nay chị xét thấy tình cảm của chị đối với anh C không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn C.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có một con chung tên là Trần Nguyễn Gia M; Sinh ngày 24/11/2014. Từ lúc chị bồng cháu M về nhà cha mẹ ruột sinh sống, anh C không nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc cũng như không chu cấp cùng chị nuôi dưỡng cháu M. Cháu M hiện đang sinh sống cùng chị nên chị mong muốn nhận nuôi cháu M đến khi đủ 18 tuổi. Khi ly hôn, chị không yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Khi ly hôn chị và anh C tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần văn C cố tình trốn tránh nên Tòa án không thể lấy lời khai. Theo biên bản xác minh ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức tại Công an xã Bình Lâm xác định: Anh Trần Văn C có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã B, huyện H, tỉnh Q; Anh C thỉnh thoảng vẫn có mặt tại nơi cư trú. Anh C không đăng ký tạm trú, tạm vắng đến địa chỉ nào khác nên Tòa án không thể tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh C, do vậy Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức:

+ Về chấp hành pháp luật: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Đối với anh C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh C.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh C; Về con chung: Giao cháu M cho chị N nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; Về tài sản chung chị N không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Quỳnh N khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Trần Văn C có nơi cư trú tại thôn H, xã B, huyện H, tỉnh Q. Căn cứ vào Điều 28 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

Anh Trần Văn C cố tình trốn tránh nên Tòa án không thể tiến hành giao các văn bản tố tụng, ghi lời khai và tiến hành hòa giải được nên Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 07/6/2018 anh C vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án đã hoãn phiên tòa. Đến nay, anh C vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh C.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Quỳnh N và anh Trần Văn C có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Q cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 13/01/2015, quyển số 01/2015. Hôn nhân của hai anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối nên được pháp luật thừa nhận.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C thường xuyên uống rượu, chửi mắng và sỉ nhục chị N. Anh C có hành vi đuổi chị N ra khỏi nhà cha mẹ anh C. Do đó, đầu năm 2017 chị N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột của mình sinh sống. Từ thời điểm đó đến nay, vợ chồng anh chị sống ly thân, hai vợ chồng anh chị cũng không liên lạc với nhau. Hiện nay, chị N không còn tình cảm với anh C nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh C. Đối với anh C cố tình trốn tránh nên Tòa án không có cơ sở giải quyết yêu cầu của anh C. Từ những lý do trên cho thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh C không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị N yêu cầu được ly hôn với anh C là có cơ sở, phù hợp với Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị N, anh C có một con chung tên là Trần Nguyễn Gia M; Sinh ngày 24/11/2014. Từ lúc chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, chị đã bồng theo cháu M đi cùng. Tuy nhiên, từ thời gian đó đến nay, anh C không quan tâm chăm sóc, chu cấp cùng chị nuôi dưỡng cháu M. Hiện nay, cháu M đang có cuộc sống ổn định cùng chị N. Do đó, việc giao cháu M cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Chị N không yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Quỳnh N được Tòa án chấp nhận nên chị N phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Quỳnh N đối với anh Trần Văn C về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N được ly hôn với anh Trần Văn C.

Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Gia M; Sinh ngày 24/11/2014 cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị N không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Trần Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nợ chung: không có.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Quỳnh N phải chịu án phí HNGĐ-ST là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị N đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0012851 ngày 01/3/2018 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam. Chị N đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Quỳnh N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Trần Văn C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ./

Nơi nhận
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND H Hiệp Đức;
- THADS H. Hiệp Đức;
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ + Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Bích Ân